

SO SÁNH HÀNH VI CẦU KHIẾN TIẾNG NGA VỚI TIẾNG VIỆT TRONG GIÁO TRÌNH DẠY NÓI CHO SINH VIÊN CHUYÊN NGỮ GIAI ĐOẠN ĐẦU

Nguyễn Thị Hiền*; Trần Thị Bích Thủy

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

Nhận bài: 27/01/2020; Hoàn thành phản biện: 15/09/2020; Duyệt đăng: 28/12/2020

Tóm tắt: Bài báo này đề cập đến việc so sánh đối chiếu hành vi cầu khiến tiếng Nga với tiếng Việt về mặt cấu trúc – ngữ nghĩa nhằm tìm ra những nét tương đồng và dị biệt giữa hai ngôn ngữ khác nhau về loại hình. Qua việc thu thập ngữ liệu chủ yếu trong giáo trình trong giáo trình dạy Nói cho sinh viên tiếng Nga chuyên ngữ giai đoạn đầu và các tác phẩm văn học trong tiếng Việt, bài báo góp phần làm rõ thêm về khái niệm hành vi cầu khiến, phân loại các hành vi cầu khiến và miêu tả các phương thức thể hiện hành vi cầu khiến trong tiếng Nga và tiếng Việt. Kết quả nghiên cứu có thể đóng góp hiệu quả hơn cho việc giảng dạy các kỹ năng nói, viết cho sinh viên chuyên ngữ tiếng Nga giai đoạn đầu.

Từ khóa: So sánh, hành vi cầu khiến, tiếng Nga, tiếng Việt

1. Mở đầu

Trong xu thế hội nhập toàn cầu, mỗi ngôn ngữ không chỉ là phương tiện giao tiếp trong cộng đồng của một quốc gia mà còn là công cụ quan trọng, là cầu nối trực tiếp thúc đẩy quá trình hội nhập và phát triển của quốc gia đó ra thế giới. Vì vậy, học tập, nghiên cứu một ngôn ngữ mới là tìm cho mình một con đường đến gần hơn với thế giới bên ngoài. Ở Việt Nam, xu hướng nghiên cứu ngoại ngữ ngày càng tăng không chỉ đối với tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Nhật, mà cả tiếng Nga. Đối chiếu ngôn ngữ là một trong những xu hướng mới và phát triển trong nghiên cứu ngôn ngữ.

Sự khác nhau về loại hình của hai ngôn ngữ tiếng Nga và tiếng Việt đã tạo ra giao thoa tiêu cực cho sinh viên chuyên ngữ nhiều khó khăn trong việc sử dụng hành vi cầu khiến tiếng Nga. Hành vi cầu khiến là một trong những hành vi ngôn ngữ được người nói thực hiện để yêu cầu điều khiển người nghe hành động theo chủ ý của mình. Đây là một vấn đề thuộc về dụng pháp nên nó thể hiện đặc trưng văn hoá của từng ngôn ngữ, có mối liên hệ mật thiết với tính lịch sự trong giao tiếp. Tùy theo hoàn cảnh phát ngôn, đối tượng tiếp nhận mà người nói thực hiện những phương thức khác nhau. Với câu hỏi “Những sự tương đồng và dị biệt nào của hành vi cầu khiến tiếng Nga và tiếng Việt tạo nên những thuận lợi và khó khăn, nhằm lẫn cho sinh viên chuyên ngữ ở giai đoạn đầu?” chúng tôi đi sâu nghiên cứu nhằm tìm ra những nét tương đồng và dị biệt về mặt ngữ pháp và ngữ dụng của hành vi cầu khiến tiếng Nga và tiếng Việt. Với đối tượng nghiên cứu là hành vi cầu khiến tiếng Nga và tiếng Việt, đề tài chủ yếu khảo sát các văn bản trong các giáo trình dạy nói bằng tiếng Nga, đặc biệt là các văn bản hội thoại trong giao tiếp cho sinh viên chuyên ngữ giai đoạn đầu nhằm nâng cao hiệu quả dạy nói cho sinh viên ở giai đoạn này.

* Email: nhtien@hueuni.edu.vn

2. Cơ sở lý luận

Hành vi ngôn từ nói chung và hành vi cầu khiến nói riêng là những vấn đề thuộc về ngữ dụng học, một phân ngành của ngôn ngữ học phát triển khá mạnh mẽ từ những năm 70 của thế kỷ XX trở lại đây. Tại Việt Nam, đã có nhiều công trình nghiên cứu các tác giả đề cập đến câu cầu khiến nói chung như: Chu Thị Thủy An (2000) - “Câu cầu khiến tiếng Việt”; Lê Quang Thiêm (2008) - “Ngữ nghĩa học”; Hoàng Trọng Phiến (2003) - “Cách dùng hư từ tiếng Việt”; Nguyễn Đức Dân (2000) - “Ngữ dụng học”. Tuy nhiên, trong quá trình nghiên cứu tiếng Việt, vấn đề về hành vi cầu khiến cho đến nay vẫn chưa đi đến thống nhất giữa các nhà nghiên cứu. Nhóm các nhà ngôn ngữ học theo quan điểm của ngữ pháp truyền thống phân loại câu dựa vào hai tiêu chí theo cấu trúc cú pháp và theo mục đích phát ngôn. Phân loại câu theo mục đích phát ngôn gồm có: câu trần thuật, câu cầu khiến, câu cảm thán, câu nghi vấn. Các tác giả giải thích khái niệm các kiểu câu bằng cách nêu công dụng của nó, sau đó nêu những phương tiện ngôn ngữ cấu tạo các kiểu câu.

Nguyễn Kim Thản (1977) trong *Nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt* nhận diện động từ mang ý nghĩa ngữ pháp mệnh lệnh biểu thị ý chí, tức lời yêu cầu đề nghị hay mệnh lệnh của người nói/viết đối với người nghe/đọc đòi hỏi người này phải thực hiện quá trình do động từ biểu thị. Quan niệm trên của tác giả đã thể hiện rõ cách phân loại và khái niệm về câu của ngữ pháp truyền thống câu cầu khiến là câu dùng để ra lệnh, yêu cầu, đề nghị.

Hoàng Trọng Phiến (1980) phân chia thành: câu cầu khiến, câu hỏi và câu than gọi. Vấn đề về hình thức câu cầu khiến được tác giả cho rằng câu cầu khiến không có những dấu hiệu ngữ pháp đặc biệt gì ngoài một số phương tiện hư từ và ngữ điệu. Câu cầu khiến nói nên ý muốn của chủ thể phát ngôn và yêu cầu người nghe đáp lại bằng hành động.

Tác giả Diệp Quang Ban (2002) trong *Ngữ pháp tiếng Việt*, tập 2, câu phân loại theo mục đích nói đã phân thành câu tường thuật, câu nghi vấn, câu mệnh lệnh, câu cảm thán. Quan điểm của tác giả về câu mệnh lệnh (còn gọi là câu cầu khiến) là dùng để bày tỏ ý muốn nhờ hay bắt buộc người nghe thực hiện điều được nêu lên trong câu và có những dấu hiệu hình thức nhất định.

Nhóm các nhà ngôn ngữ học theo quan điểm ngữ dụng học không phân loại câu theo mục đích phát ngôn như ngữ pháp truyền thống mà chỉ khảo sát những hành động tại lời (hành động ngôn trung) trong cách phát ngôn. Một số tác giả chẳng hạn như Cao Xuân Hạo (1991) tiến hành phân loại câu theo hành động ngôn trung và nhấn mạnh quan điểm căn cứ vào hình thức của câu để phân loại câu còn mục đích của phát ngôn được xem xét sau khi các kiểu câu đã được xác định. Theo Cao Xuân Hạo (1991) trong cuốn *Sơ thảo ngữ pháp chức năng (trang 28)*: “*Khi nói ra một câu ta thực hiện một hành động nhận định, nghĩa là xác lập một mệnh đề, nhưng đồng thời cũng thực hiện một mục tiêu giao tế nào đấy. Đó là một hành động ngôn trung, phân loại câu theo lực ngôn trung có hai loại lớn là câu trần thuật và câu nghi vấn*”. Tác giả cho rằng câu cầu khiến là một tiểu loại của câu trần thuật khác các tiểu loại khác về tình thái.

Nguyễn Thiện Giáp (2000) trong cuốn *Dụng học Việt ngữ (trang 48)* cho rằng: “*Câu khiến là hành động mà người nói sử dụng để khiến người nghe làm cái gì đó. Hành động này thể hiện ở những câu mà nhờ chúng mà người nói khiến cho người nghe làm một việc gì. Thuộc nhóm này có các hành động như: đề nghị, yêu cầu, cho phép, ra lệnh, mời mọc, rủ rê, thỉnh cầu, khuyên, cảm đoán, hỏi, chỉ thị,...* (hỏi cũng là một hành động cầu khiến)”.

Như vậy, trong quan niệm của các nhà ngôn ngữ học theo quan điểm của ngữ dụng học đã nhấn mạnh vào hành động tại lời của phát ngôn và cho rằng hành động cầu khiến là loại hành động có mức đe dọa thể diện cao. Chính vì vậy khi phát ngôn người nói cần lựa chọn những phương thức phù hợp sao cho đạt được hiệu quả trong giao tiếp và có mối quan hệ mật thiết với tính lịch sự.

Hành vi cầu khiến trong tiếng Nga đã được đề cập trong một số nghiên cứu của các tác giả như Pirogova - “Cách chia động từ Tiếng Nga”; Vũ Đình Vị (2003) - “Ngữ pháp Tiếng Nga”; Punkina (2010) - “Ngữ pháp Tiếng Nga”... Nhưng hầu như các tác giả và sản phẩm chỉ đề cập thức mệnh lệnh, câu cầu khiến, câu mệnh lệnh tiếng Nga và tiếng Việt nói chung chứ không so sánh đối chiếu dạng thức này với nhau để rút ra những nét tương đồng và dị biệt của hành vi cầu khiến, do đó những người học tiếng Nga, đặc biệt là sinh viên chuyên ngữ giai đoạn đầu vẫn còn gặp khó khăn khi lựa chọn các cách dùng phù hợp trong từng trường hợp cụ thể của hành vi này. Bài báo cũng lấy ngữ liệu ở một số tác phẩm văn học trong tiếng Nga và tiếng Việt, cũng như tài liệu, giáo trình dạy nói cho sinh viên tiếng Nga chuyên ngữ giai đoạn đầu.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài báo sử dụng những phương pháp nghiên cứu chủ yếu sau đây: Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi sử dụng những phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp với đặc trưng chuyên ngành như: thu thập ngữ liệu, phân loại, tổng hợp, so sánh, nhận xét... Các phương pháp đó bổ sung, hỗ trợ và tác động qua lại lẫn nhau. Trong đó, phương pháp chủ yếu được sử dụng là:

- Phương pháp miêu tả, phân tích, tổng hợp: Dựa trên những thống kê và phân loại những hành vi cầu khiến trong tiếng Nga và tiếng Việt, chúng tôi tiến hành miêu tả, phân tích và tổng hợp lại nhằm đưa ra những kết luận cần thiết phục vụ cho nghiên cứu. Cụ thể là, chúng tôi dựa theo quan điểm của ngữ pháp học truyền thống về việc phân loại câu theo mục đích phát ngôn. Đó là việc xác định được mục đích giao tiếp của từng kiểu câu và những dấu hiệu hình thức điển hình tương ứng để khảo sát đặc điểm ngữ nghĩa ngữ dụng của các phát ngôn. Từ đó, chúng tôi xác định phương thức thể hiện phù hợp với hành động cầu khiến trong tiếng Việt và tiếng Nga. Tập hợp các phát ngôn có hiệu lực tại lời cầu khiến xuất hiện chủ yếu trong các loại văn bản, các tác phẩm văn học Việt Nam và trong giáo trình dạy nói cho sinh viên tiếng Nga chuyên ngữ giai đoạn đầu để khảo sát, khái quát hoá đặc trưng về hình thức cấu tạo và nội dung ý nghĩa của từng phương thức.

- Phương pháp phân tích ngữ nghĩa - ngữ dụng học: có kết hợp với phân tích ngữ nghĩa cú pháp của các biểu thức biểu hiện các loại hành vi cầu khiến chủ yếu trong tiếng Nga và tiếng Việt.

- Phương pháp so sánh đối chiếu đặc điểm ngữ nghĩa, ngữ pháp của các loại hành động cầu khiến chủ yếu trong tiếng Nga và tiếng Việt để tìm ra những nét tương đồng và dị biệt của hành vi cầu khiến tiếng Nga và tiếng Việt, từ đó giúp cho sinh viên khắc phục được khó khăn trong việc lựa chọn cách sử dụng đúng mẫu câu về hành vi này.

Nguồn ngữ liệu: Các ngữ liệu đã thu thập, phân tích và trình bày trong bài báo được thu thập chủ yếu từ một số văn bản viết, các tác phẩm văn học (đối với tiếng Việt) và từ các tài liệu, giáo trình dạy nói cho sinh viên tiếng Nga chuyên ngữ giai đoạn đầu (đối với tiếng Nga).

4. Kết quả nghiên cứu

Mỗi một hành động ngôn từ mang nhiều đặc điểm ý nghĩa dụng pháp riêng. Trong đó hành vi cầu khiến (побудительный речево́й акт) là một loại hành động ngôn từ được người nói sử dụng với mục đích để người nghe thực hiện theo chủ ý của mình. Những hành động cầu khiến chủ yếu là: ra lệnh, sai bảo, yêu cầu/đề nghị, nhờ vả, kêu gọi, mời mọc, xin phép, khuyên răn.

Trong tiếng Việt và tiếng Nga, khi viết, câu cầu khiến thường kết thúc bằng dấu chấm than, nhưng khi ý cầu khiến không được nhấn mạnh thì có thể kết thúc bằng dấu chấm.

Ví dụ:

- *Cho bu mượn cái đĩa đi con!* (Nam Cao, *Một đám cưới*)
- *Hãy để cô ta ngồi đây giữa hàng chồng lớp ô tô.* (Nguyễn Minh Châu, *Mảnh trăng cuối rừng*)
- *Выйдипосуду!* (*Hãy rửa bát đĩa đi!*) (Антонова В.Е., *Дорога в Россию 2*, tr. 144)
- *Идитепрямопокоридору, комната № 7.* (*Đi thẳng theo hành lang, phòng số 7.*) (Антонова В.Е., *Дорога в Россию 2*, tr. 152)

Ngoài phương thức biểu hiện hành vi cầu khiến bằng hình thức câu ở dạng khẳng định, người Việt còn dùng câu nghi vấn (câu hỏi). Đây là cách thức thể hiện hành động tại lời khá quen thuộc đối với người Việt. Thông thường người ta dùng câu hỏi để nêu lên vấn đề chưa biết hoặc còn hoài nghi cần được trả lời, giải thích... Thế nhưng đôi khi người nghe lại dùng câu hỏi với một đích ngôn trung khác, câu hỏi có giá trị cầu khiến.

Ví dụ: *Giá cứ thế này mãi thì thích nhỉ?* (Nam Cao, *Chí Phèo*) (Ở câu này có thể coi đây là niềm mong mỏi của Thị Nở được cùng Chí Phèo *cứ thế này mãi*).

Qua thu thập ngữ liệu, tiến hành phân tích, so sánh và tổng hợp. Bài viết đã rút ra được một số kết luận sau đây:

4.1. Về mặt ngữ pháp

Phương thức thể hiện hành vi cầu khiến trong tiếng Việt bao gồm: Phương thức tỉnh lược chủ ngữ ở ngôi thứ hai, phương thức dùng tiểu từ tình thái, phương thức dùng vị từ-phụ từ tình thái, phương thức dùng câu ngôn hành.

Phương thức tỉnh lược chủ ngữ ở ngôi thứ hai: Cấu trúc của nó chỉ bao gồm chủ ngữ và vị ngữ, ngôi thứ nhất (ngôi cầu khiến) và vị từ ngôn hành có ý nghĩa cầu khiến không xuất hiện; ngôi thứ hai (ngôi nhận lệnh) bị tỉnh lược; có thể thêm các nhóm phụ từ, vị từ tình thái vào đầu phát ngôn hoặc các tiểu từ tình thái vào cuối phát ngôn. Cấu trúc ở dạng này thường thể hiện hành động ra lệnh, mang tính bắt buộc ở mức độ cao. Sự lược bỏ chủ ngữ ở ngôi thứ hai trong các phát ngôn cầu khiến được coi là dấu hiệu làm giảm tính lịch sự.

Ví dụ:

- *Im ngay. Câm cái mồm.* (Nam Cao, *Nước mắt*)
- *Xích con chó lại cái cột tít đằng kia.* (Nam Cao, *Đôi mắt*)

- *Thế nào, kể tiếp phần cuối!* Ngày hôm sau sống chết thế nào cậu cũng phải mò tới cái đội nữ công nhân ấy chứ? (Nguyễn Minh Châu, *Mảnh trăng cuối rừng*)

- *Dem súng đi lấy con hổ về.* (Tô Hoài, *Vợ chồng A Phủ*)

Phương thức dùng tiểu từ tình thái **đi, đã, nhé, nào, với, chứ...** Tiểu từ tình thái có một vai trò to lớn trong việc hình thành hiệu lực tại lời của phát ngôn cầu khiến. Việc thêm tiểu từ tình thái vào cuối câu trần thuật sẽ biến câu trần thật thành câu cầu khiến, ý nghĩa cầu khiến có trường hợp được thể hiện trực tiếp và cũng có trường hợp được suy ra một cách gián tiếp từ ý nghĩa chung, khái quát mà tiểu từ này mang lại cho phát ngôn. Tiểu từ tình thái đóng một vai trò quan yếu trong việc biểu đạt thái độ của người nói đối với người nghe, dùng tiểu từ tình thái khác nhau sẽ mang lại cho phát ngôn những sắc thái ý nghĩa khác nhau, thường thì làm giảm sắc thái mệnh lệnh (ngoại trừ tiểu từ tình thái **đi**) khiến cho lời cầu khiến thêm nhẹ nhàng, thân mật, gần gũi hơn và mang lại hiệu quả cao hơn trong giao tiếp. Vì vậy sự tham gia kiến tạo phát ngôn cầu khiến của tiểu từ tình thái được coi là dấu hiệu của phát ngôn cầu khiến lịch sự.

Ví dụ:

- *Mai nói cho tôi chứ o có móc là chứ chi đi.* (Nguyễn Trung Thành, *Rừng Xà-nu*)

- *Để em nghĩ kỹ xem đã. Anh cứ tắt đèn đi.* (Nguyễn Minh Châu, *Mảnh trăng cuối rừng*)

- *Tàu đến chị đánh thức em dậy nhé.* (Thạch Lam, *Hai đứa trẻ*)

- *Về muộn mấy. Hẵng vào nhà chơi cái đã nào.* (Kim Lân, *Vợ nhặt*)

Phương thức dùng vị từ, phụ từ tình thái:

Phương thức dùng vị từ tình thái **cần, phải, nên**. Phương thức này biểu thị ý nghĩa cần thực hiện hành động được nêu lên trong câu. Phải mang tính áp đặt cao, có ý nghĩa ép buộc không cho phép người nghe từ chối. **Nên, cần** thường biểu hiện hành động khuyến nhủ. Tuy nhiên hành động đó được thực hiện hay không thì tùy thuộc vào người nghe. Vị từ tình thái xuất hiện trong các kiểu câu khác nhau (xét trong mối quan hệ với chủ ngữ ngữ pháp). Riêng với cấu trúc câu trên cơ sở câu tình lược khuyết chủ ngữ mang đến cho phát ngôn tính khách quan.

Ví dụ:

- *Cần tập trung phân phối vắc xin về một đầu mối.* (Báo Tuổi trẻ 249/04, tr6)

- *Em ơi em! Đất nước là máu xương của mình. Phải biết gắn bó và san sẻ.* (Nguyễn Khoa Điềm, *Đất nước*)

- *Cậu đừng chơi bời gì nhé. Nên thương đến tôi.* (Nguyễn Công Hoan, *Thế là vợ nó đi Tây*)

Phương thức dùng phụ từ **hãy, đừng, chớ**. Dùng phụ từ tạo ý nghĩa cầu khiến phần lớn tạo sắc thái trung hoà, khách quan và thường biểu thị ý nghĩa khuyến nhủ, cầu xin,...

Ví dụ:

- *Hãy để cô ta ngồi đấy giữa hàng chồng lốp ô tô.* (Nguyễn Minh Châu, *Mảnh trăng cuối rừng*)

- *Em ơi! Đừng hát nữa lòng anh đau.*

Mẹ ơi! Đừng khóc nữa! Dạ con sâu.

*Cánh đồng im phăng phắc**Để con đi giết giặc... (Hoàng Cầm, Bên kia sông Đuống)**- Chớ đập hồn em trắng từ Viễn Xứ**Đi khoan thai trên ngực đỉnh trời tròn. (Xuân Diệu)*

Phương thức dùng vị từ ngôn hành (câu ngôn hành): Câu ngôn hành biểu thị hành động cầu khiến là các câu trong đó có chứa các động từ ngôn hành như **yêu cầu, đề nghị, nói, cấm, bảo, xin phép, mời...** Câu ngôn hành thể hiện hành động cầu khiến trực tiếp khi: chủ thể thực hiện hành động ngôn hành ở ngôi thứ nhất; đối tượng tiếp nhận động từ ngôn hành ở ngôi thứ hai; hành động được thực hiện ở thì hiện tại.

Ví dụ:

*- Đề nghị nhà trường có biện pháp ngăn chặn kịp thời đối với học sinh nghỉ học không phép quá nhiều lần.**- Cấm xả rác trong công viên.**- Cấm hút thuốc.**- Bấm thầy, tên ấy đúng là chủ xướng. Xin thầy đi bấm cho. Hấn ngạo ngược và nguy hiểm nhất trong bọn. (Nguyễn Tuân, Chữ người tử tù)**- Vâng! Mời bà cứ ngồi chơi thư thả xơi nước xơi trâu đã. (Nam Cao, Một đám cưới)*

Trong tiếng Nga, hành vi cầu khiến chủ yếu được thể hiện bằng phương thức ngữ pháp dưới dạng mệnh lệnh thức của động từ (kết hợp với ngữ điệu cầu khiến). Thức mệnh lệnh được sử dụng khi người nói muốn thể hiện ý chí của mình.

Những dạng thức mệnh lệnh trong câu cầu khiến tiếng Nga thường là:

Dạng mệnh lệnh thức ngôi thứ hai

Ví dụ:

*- Купи хлеб, молоко и сыр! (Hãy mua bánh mì, sữa và phomat!) (Антонова В.Е., Дорога в Россию 2, tr. 144)**- Погуляй с собакой! (Đi dạo với con chó đi!) (Антонова В.Е., Дорога в Россию 2, tr. 144)*

Thức mệnh lệnh ngôi thứ hai dùng để hướng tới người đối thoại, người cùng trò chuyện. Thức mệnh lệnh ngôi thứ hai cấu tạo từ các động từ cả chưa hoàn thành lẫn hoàn thành và gồm các bước sau:

*- Bước thứ nhất, chia động từ ở ngôi thứ nhất: số ít (tức là ngôi Я);**- Bước thứ hai, bỏ từ vĩ rồi thêm tận cùng của thức mệnh lệnh.*

Trong bước thứ hai này xảy ra ba trường hợp:

- Nếu sau khi bỏ từ vĩ mà thân từ tận cùng bằng nguyên âm thì thêm Ы. Ví dụ:

слушать - слуша-ю - слушай

образовать	-	образу-ю	-	образуй
открыть	-	откро-ю	-	открой
петь	-	по-ю	-	пой

- Nếu sau khi bỏ từ vĩ mà *thân từ tận cùng bằng phụ âm* thì căn cứ vào trọng âm mà ta thêm **и** hoặc **ь**. Thêm **и** vào thân từ nếu trọng âm rơi vào từ vĩ, ví dụ:

говорить	-	говор-ю	-	говори
учить	-	уч-у	-	учи
сказать	-	скаж-у	-	скажи

- Còn nếu trọng âm rơi vào thân từ thì ta thêm **ь**, ví dụ:

забыть	-	забуд-у	-	забудь
сесть	-	сяд-у	-	сядь

- Đối với những động từ thuộc cách chia thứ hai mà phụ âm cuối thân từ bị biến âm ở ngôi thứ nhất số ít thì khi cấu tạo mệnh lệnh thức ta lấy lại phụ âm ban đầu. Ví dụ:

готовить	-	готовл-ю	-	готовь
----------	---	----------	---	--------

- Nếu sau khi bỏ từ vĩ mà *thân từ tận cùng bằng hai phụ âm* thì ta thêm **И**, ví dụ:

помнить	-	помн-ю	-	помни
запомнить	-	запомн-ю	-	запомни

Chú ý: Những trường hợp đặc biệt cần nhớ là:

- Tất cả những động từ tận cùng là -ABA- vẫn giữ -BA-, ví dụ: давать - давай; признавать - признавай...

- Một số trường hợp đặc biệt khác:

ехать	-	поезжай
пить	-	пей; бить - бей; вить - вей
есть	-	ешь

- Đối với động từ phân thân thì xử lý theo quy tắc chung, tức là thêm -СЯ sau phụ âm, kể cả sau **Й**, và thêm -СЬ sau nguyên âm.

заниматься	-	занимаюсь - занимайся;
учиться	-	учусь - учись

Dạng mệnh lệnh thức ngôi thứ nhất số nhiều

Dạng này trùng với dạng ngôi thứ nhất số nhiều động từ hoàn thành và dùng để biểu thị lời mời cùng hành động (kèm theo ngữ điệu câu khiến rõ rệt).

Ví dụ:

- *Хорошо, давай пойдём!* (Антонова В.Е., *Дорога в Россию 1*, tr.117)

- *Конечно, пойдём! До завтра!* (Антонова В.Е., *Дорога в Россию 1*, tr.117)

Thức mệnh lệnh ngôi thứ nhất số nhiều dùng để biểu thị lời mời cùng hành động. Có hai dạng thức mệnh lệnh ngôi thứ nhất số nhiều.

Dạng thứ nhất, trùng với dạng ngôi thứ nhất số nhiều có thêm hậu tố -ТЕ hoặc không:

Dạng ngôi thứ nhất số nhiều (có thể thêm -ТЕ) kèm ngữ điều cầu khiến
--

Ví dụ:

- *Сравним эти случаи.* (Нăy cùng nhau so sánh những tình huống này.) (Vũ ĐìnhVi, *Ngữ pháp Tiếng Nga*, tr. 176)

- *Пойдёмте отсюда!* (Нăy cùng rời khỏi đây thôi!) (Vũ ĐìnhVi, *Ngữ pháp Tiếng Nga*, tr. 176)

Dạng thứ hai là kết hợp tiểu từ ДАВАЙ (ДАВАЙТЕ) với dạng nguyên mẫu động từ thể chưa hoàn thành hoặc với dạng ngôi thứ nhất số nhiều động từ thể hoàn thành (cũng để biểu thị lời mời cùng hành động).

Давай (давайте) +	dạng nguyên mẫu động từ chưa hoàn thành thể
	hoặc dạng ngôi thứ nhất số nhiều động từ hoàn thành thể

Ví dụ:

- *Давай играть футбол!* (Nào cùng chơi đá bóng!) (Vũ ĐìnhVi, *Ngữ pháp Tiếng Nga*, tr. 176)

- *Давайте встретимся в 12 часов в метро!* (Gặp nhau lúc 12 giờ ở tàu điện ngầm nhé!)(Антонова В.Е., *Дорога в Россию 1*, tr.269)

Dạng mệnh lệnh thức ngôi thứ ba

Đây là dạng phức tạp, kết hợp tiểu từ ПУСТЬ (ПУСКАЙ) với dạng động từ ngôi thứ ba số ít hoặc số nhiều để hướng sự cầu khiến không phải đến người đối thoại mà đến người vắng mặt (ngôi thứ ba).

Ví dụ:

- *Пусть он говорит!* (Cứ mặc cho anh ta nói!) (Vũ ĐìnhVi, *Ngữ pháp Tiếng Nga*, tr. 176)

- *Пусть дети играют!* (Cứ để cho tụi trẻ chơi!) (Vũ ĐìnhVi, *Ngữ pháp Tiếng Nga*, tr. 176)

Dạng động từ thời quá khứ (thường gặp ở một số ít động từ như начать, кончить, пойти, побежать, поехать và kèm theo ngữ điều cầu khiến rõ rệt).

Ví dụ:

- *Ну, поехали!* (Nào, đi thôi!) (Phoromanopxcaia N.I., *Cách dùng nghi thức lời nói Tiếng Nga*, tr. 71)

- *Кончили разговор!* (Kết thúc cuộc nói chuyện đi!) (Phoromanopxcaia N.I., *Cách dùng nghi thức lời nói Tiếng Nga*, tr. 71)

Dạng động từ nguyên mẫu (thể hiện mệnh lệnh nghiêm khắc và kèm theo ngữ điệu câu khiến rõ rệt).

Ví dụ:

- *Нельзя опаздывать на урок!* (Không được đi học muộn!) (Антонова В.Е., *Дорога в Россию 1*, tr. 270)

4.2. Về mặt ngữ dụng

Đối với hành động cầu khiến, muốn ý nghĩa được nói ra trực tiếp, cần phải dựa vào các yếu tố ngôn ngữ như âm, từ, kết cấu câu,...

Hành vi cầu khiến có thể được chia làm hai dạng: cầu khiến cạnh tranh và cầu khiến hòa đồng.

- Cầu khiến cạnh tranh là loại hành động cầu khiến với lợi ích của việc được thực hiện thường thuộc về người nói hoặc trung hoà hoặc không thuộc về người nghe. Đó là những hành động như: ra lệnh, yêu cầu, nhờ vả, xin phép... Xét về vị thế giao tiếp, cầu khiến cạnh tranh có thể được phân làm hai loại sau: Người nói có vị thế giao tiếp cao hơn người nghe (hành động ra lệnh); Người nói có vị thế giao tiếp thấp hơn hoặc ngang bằng với người nghe (hành động thỉnh cầu, nhờ vả, xin phép...)

- Cầu khiến hoà đồng là loại hành động cầu khiến với lợi ích của việc được thực hiện thuộc về người nghe hoặc trung hoà hoặc không thuộc về người nói như khuyên răn, mời mọc.

Hành động ra lệnh: là đưa ra mệnh lệnh, mang tính bắt buộc và nghe thực hiện hành động được nêu lên trong câu.

Ví dụ:

- *Thôi đi!* Tôi thì tôi cho là người ta đã muốn hỏi hôn rồi. (Vũ Trọng Phụng, *Hạnh phúc một tang gia*)

- *Cầm lấy mà rút đi, đi cho rảnh.* (Nam Cao, *Chí Phèo*)

- *A Phũ đâu? A Phũ đánh chết nó đi.* (Tô Hoài, *Vợ chồng A Phũ*)

- *Убери свою комнату!* (Dọn phòng của con đi!) (Антонова В.Е., *Дорога в Россию 2*, tr. 144)

- *Не кури в комнате!* (Không được hút thuốc trong phòng!) (Антонова В.Е., *Дорога в Россию 2*, tr. 144)

- *Достаточно! Хватит!* (Đủ rồi! Dừng lại đi!) (Антонова В.Е., *Дорога в Россию 2*, tr.140)

Hành động ra lệnh có những đặc điểm sau:

- Được dùng trong trường hợp lợi ích của việc được thực hiện chủ yếu quan hệ đến người nói hoặc chủ yếu không thuộc về người nghe.

- Vị thế giao tiếp và quyền uy của người nói mạnh hơn người nghe.

- Tính bắt buộc ở mức độ cao.

- Trong tiếng Việt có sự tham gia của các tiểu từ tình thái thường làm giảm sắc thái mệnh lệnh (ngoại trừ tiểu từ tình thái *đi*). Xuất hiện trong các kiểu câu nhưng chủ yếu ở kiểu vẳng mặt chủ ngữ ở ngôi thứ hai.
- Xuất hiện hầu hết trong các loại phong cách nhưng chủ yếu trong phong cách sinh hoạt hằng ngày.
- Thường mang tính chủ quan, phi nghi thức.
- Hành động ra lệnh thường có những tác động tiêu cực (gây thiệt) cho phía người nghe.

Hành động yêu cầu/đề nghị: là đưa ra lời yêu cầu người nghe thực hiện hành động nêu lên trong câu (vượt qua khả năng của người nói), thể hiện ước mơ, nguyện vọng của người nói hành động được thực hiện.

Ví dụ:

- *Thôi khuya rồi đấy, ngủ đi.* (Kim Lân, *Vợ nhặt*)
- *Пиши! Я жду твои письма. (Hãy viết cho tôi! Tôi đợi thư của cậu.)* (Антонова В.Е., *Дорога в Россию 1*, tr. 252)
- *Возьмите с собой студенческие билеты и не опаздывайте на экскурсию. (Hãy mang theo thẻ sinh viên và đừng đến muộn buổi tham quan.)* (Антонова В.Е., *Дорога в Россию 2*, tr. 168)

Hành động xin phép: là hành động xin được sự thoả thuận, cho phép đồng ý của ai, cơ quan, tổ chức nào đó, cho người nói/viết thực hiện một hành động gì đó.

Ví dụ:

- *Vậy trong khi chưa kịp sửa đổi thì cho phép chúng tôi được tự sửa đổi.* (Luu Quang Vũ, *Tôi và chúng ta*)
- *Если можешь, расскажи мне, какой был вечер, кто был? (Nếu có thể, hãy kể cho tôi nghe bữa tiệc đã diễn ra như thế nào, ai đã ở đó?)* (Антонова В.Е., *Дорога в Россию 1*, tr. 304)

Hành động nhờ vả: hành động nhờ vả được đưa ra để nhờ vào sự giúp đỡ của người khác, làm phiền người khác.

Ví dụ:

- *An! An! Con giúp mẹ việc này rồi mẹ cho xu nhé.* (Nguyễn Hồng, *Mợ Du*)
- *Папа, пожалуйста, помоги мне решить задачу. (Bố, làm ơn giúp con giải bài tập với ạ.)* (Антонова В.Е., *Дорога в Россию 1*, tr. 274)
- *Передайте привет моему русскому преподавателю! (Nhờ chuyển lời chào đến giáo viên tiếng Nga của tôi nhé!)* (Антонова В.Е., *Дорога в Россию 2*, tr. 118)

Đặc điểm chung của hành động thỉnh cầu, xin phép, nhờ vả là:

- Dùng trong trường hợp lợi ích của việc được thực hiện chủ yếu quan hệ đến người nói có khi thuộc cả người nghe.
- Vị thế giao tiếp và quyền uy của người nói thấp hơn hoặc ngang bằng người nghe.

- Không mang tính bắt buộc hoặc mang tính bắt buộc ở mức độ thấp.
- Trong mối quan hệ với chủ ngữ ngữ pháp ở tiếng Việt, nó xuất hiện trong hầu hết các kiểu câu nhưng ít ở kiểu vắng mặt chủ ngữ ở ngôi thứ hai.
- Xuất hiện hầu hết trong các loại phong cách nhưng chủ yếu trong phong cách chính luận, văn chương nghệ thuật, sinh hoạt hàng ngày.
- Thường mang tác động tiêu cực (gây thiệt) cho phía người nghe.

Hành động khuyên răn (khuyên nhủ và răn đe): Hành động khuyên răn là hành động đưa ra lời khuyên về mức độ lợi/thiệt của hành động được nêu lên trong câu, có ý nghĩa dụng pháp ngăn cản hành động xảy ra vì nó có tác động tiêu cực (gây thiệt) cho người nghe.

Ví dụ:

- *Con rửa mặt đi, rồi đi nghỉ không mệt.* (Thạch Lam, *Dưới bóng hoàng lan*)

- Mở mắt thấy rõ ràng tân vận hội

Xúm vai vào xốc vác cự giang san.

Đi cho êm, đứng cho vững, trụ cho gan...

(Phan Bội Châu, *Bài ca chúc Tết thanh niên*)

- *He смотри долго телевизор! (Không được xem tivi quá lâu!)* (Антонова В.Е., *Дорога в Россию 2*, tr. 144)

- *He скучайте! (Đừng buồn nhé!)* (Антонова В.Е., *Дорога в Россию 2*, tr. 143)

Hành động mời mọc: hành động mời mọc là hành động được nêu lên để tỏ ý mong muốn, yêu cầu người khác thực hiện một hành động gì đó.

Ví dụ:

- Tràng vỗ tay xuống cười đơn đả.

Ngồi đây... Ngồi xuống đây tự nhiên... (Kim Lân, *Vợ nhặt*)

- *Давай поедem туда завтра вместе! (Ngày mai chúng ta hãy cùng nhau đến đó nhé!)* (Антонова В.Е., *Дорога в Россию 1*, tr. 255)

- *Антон, давай пойдём сегодня на концерт.* (Антон, hôm nay chúng ta đi xem hòa nhạc nhé!) (Антонова В.Е., *Дорога в Россию 1*, tr. 280)

Đặc điểm chung của hành động khuyên răn và hành động mời mọc là:

- Dùng trong trường hợp lợi ích của việc được thực hiện chủ yếu quan hệ đến người nghe hoặc không quan hệ đến người nói.
- Lợi ích của hành động được thực hiện chủ yếu thuộc về người nghe.
- Vị thế giao tiếp của người nói thường cao hơn hoặc ngang bằng với người nghe (hành động khuyên nhủ), thấp hơn hoặc ngang bằng người nghe (hành động mời mọc)
- Không mang tính bắt buộc hoặc mang tính bắt buộc ở mức độ thấp.

- Trong mối quan hệ với chủ ngữ ngữ pháp ở tiếng Việt, nó xuất hiện trong các kiểu câu và thường có sự hiện diện của chủ ngữ ngữ pháp.
- Xuất hiện trong hầu hết các phong cách nhưng chủ yếu trong phong cách chính luận, văn chương nghệ thuật và sinh hoạt hàng ngày.
- Thường mang tác động tiêu cực (gây thiệt) cho phía người nói (hành động mời mọc).

Ngoài ra, để tăng thêm tính lịch sự của hành vi cầu khiến, câu cầu khiến trong tiếng Việt thường đi kèm thêm tiểu từ tình thái như *lay*, *xin*, *làm ơn*, ... còn trong tiếng Nga thường thêm từ *пожалуйста* (*cta*) để tăng thêm lực thỉnh cầu, nhờ vả, xin phép.

Ví dụ:

- *Con lay cụ! Cụ làm ơn bảo cô ấy ra cho con hỏi một tí.* (Nam Cao)
- *Xin ông bà cho phép chúng con khám lẫn nhau.* (Nguyễn Công Hoan, *Mắt cái vì*)
- *Дайте, пожалуйста.* (*Làm ơn hãy đưa cho tôi.*) (Антонова В.Е., *Дорога в Россию 1*, tr. 112)

Qua so sánh đối chiếu hành vi cầu khiến tiếng Nga với tiếng Việt, chúng tôi nhận thấy hành vi này có sự giống và khác nhau trong hai ngôn ngữ. Giống nhau về ý nghĩa từ vựng được sử dụng trong hành động lời nói như mời mọc, yêu cầu đề nghị. Khác nhau về cấu trúc hành vi cầu khiến tiếng Nga chủ yếu sử dụng dạng thức mệnh lệnh của động từ còn hành vi cầu khiến tiếng Việt phải thêm các phụ từ đứng trước như *hãy*, *chớ*, *đừng* và các tiểu từ đứng sau như *nhé*, *nào*, *đấy*... Và khác nhau trong việc biến đổi hình thái từ trong hành vi cầu khiến tiếng Nga bởi tiếng Nga thuộc loại hình ngôn ngữ khuất chiết (ý nghĩa ngữ pháp được biểu hiện trong bản thân của từ).

5. Kết luận

Bất kỳ một hành động ngôn ngữ nào cũng được thể hiện bằng ít nhất một hình thức ngôn ngữ nào đó, hành vi cầu khiến cũng vậy. Hành vi cầu khiến là một khái niệm rộng, thể hiện nhiều nét nghĩa khác nhau, đó có thể là ra lệnh, thỉnh cầu hay yêu cầu/đề nghị... để không chỉ thể hiện nội dung mà còn biểu đạt những sắc thái ý nghĩa khác nhau của người nói trong giao tiếp. Chính vì vậy mà hành vi cầu khiến được người Việt cũng như người Nga sử dụng cũng mang giá trị tại lời khác nhau. Phương thức thể hiện hành động cầu khiến trong mỗi ngôn ngữ nói chung, trong tiếng Việt và tiếng Nga nói riêng đều đa dạng, phong phú thể hiện những nét đặc trưng văn hoá của từng quốc gia và từng dân tộc. Trong tiếng Việt cũng như tiếng Nga, cùng có ý nghĩa cầu khiến nhưng có nhiều từ cũng như nhiều cấu trúc ngữ pháp mang sắc thái ý nghĩa ít nhiều khác nhau như yêu cầu/đề nghị, ra lệnh, thỉnh cầu, khẩn cầu, xin, cho phép, khuyên răn, mời mọc, rủ rê... nên bài báo cũng đã đi vào xác định những hành vi cầu khiến chủ yếu trong hai ngôn ngữ. Đó là những hành vi cầu khiến cạnh tranh (ra lệnh, thỉnh cầu, nhờ vả, xin phép...) và những hành vi cầu khiến hoà đồng (khuyên răn, mời mọc, rủ rê...).

Việc nghiên cứu so sánh hành vi cầu khiến trong tiếng Nga và tiếng Việt có ý nghĩa đặc biệt đối với ngữ dụng học và lý thuyết giao tiếp. Về mặt lý luận, chúng tôi hy vọng góp phần làm rõ thêm về khái niệm hành động cầu khiến, phân loại các hành động cầu khiến, miêu tả một số tình thái cầu khiến lịch sự, những vấn đề mà xưa nay đã đề cập đến nhưng chưa được quan

tâm đúng mức và chưa được lý giải đầy đủ. Về mặt thực tiễn, việc miêu tả, so sánh các phương thức thể hiện hành động cầu khiến trong tiếng Việt và tiếng Nga có thể đóng góp thêm cho việc miêu tả, phân tích và lý giải cụ thể, thiết thực cho vấn đề dạy và học tiếng Nga. Nghiên cứu này cũng hy vọng góp phần làm rõ thêm các về khái niệm hành vi cầu khiến, phân loại các hành vi cầu khiến trong tiếng Nga và tiếng Việt. Dựa trên những thống kê và phân loại những hành vi cầu khiến tiếng Nga và tiếng Việt trong giáo trình dạy Nói cho sinh viên chuyên ngữ giai đoạn đầu, chúng tôi đã tiến hành miêu tả, phân tích và tổng hợp lại nhằm đưa ra những kết luận cần thiết phục vụ cho nghiên cứu. Phương pháp so sánh đối chiếu để tìm ra những nét tương đồng và dị biệt của hành vi cầu khiến trong tiếng Nga và tiếng Việt, từ đó giúp cho sinh viên khắc phục được khó khăn trong việc lựa chọn cách sử dụng đúng mẫu câu về hành vi này, nắm chắc về lý thuyết cũng như hiểu rõ sự khác biệt và những đặc điểm của hành vi cầu khiến ở hai ngôn ngữ, giúp cho việc sử dụng một cách chính xác và linh hoạt hai ngôn ngữ này trong học tập, nghiên cứu cũng như trong giao tiếp hàng ngày.

Tài liệu tham khảo

- Cao Xuân Hạo (1991). *Tiếng Việt sơ thảo ngữ pháp chức năng* (Quyển I). Hà Nội: Nxb Khoa học xã hội.
- Chu Thị Thủy An (2000). *Câu cầu khiến tiếng Việt*. Luận văn Tiến sĩ. Viện Ngôn ngữ học. Hà Nội.
- Đào Thanh Lan (2000). *Những nghiên cứu bước đầu về câu cầu khiến tiếng Việt dưới góc độ ngữ pháp chức năng*. Hà Nội: Ngữ học trẻ.
- Diệp Quang Ban (2000). *Ngữ pháp tiếng Việt* (Tập 2). Hà Nội: Nxb Giáo dục.
- Hoàng Trọng Phiên (1980). *Ngữ pháp tiếng Việt*. Hà Nội: Nxb Đại học và trung học chuyên nghiệp.
- Hoàng Trọng Phiên (2003). *Cách dùng hư từ tiếng Việt*. Nghệ An: Nxb Nghệ An.
- Nguyễn Kim Thân (1977). *Động từ trong tiếng Việt*. Hà Nội: Nxb Khoa học xã hội.
- Nguyễn Thiện Giáp (2000). *Dùng học Việt ngữ*. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia.
- Phoromanopxcaia, N.I. (1987). *Cách dùng nghi thức lời nói Tiếng Nga*. Hà Nội: Nxb Giáo dục.
- Punkina, I.M. (2010). *Ngữ pháp Tiếng Nga*. Hà Nội: Nxb Hồng Đức.
- Vũ Thị Thanh Hương (1999). Giao tiếp và lịch sự trong lời cầu khiến tiếng Việt. *Tạp chí Ngôn ngữ*, 1, 34-43.
- Антонова, В.Е., & Нахабина, М.М. (2004). *Дорога в Россию 2 (Базовый уровень)*. Санкт-Петербург: Златоуст.
- Антонова, В.Е., & Нахабина, М.М. (2011). *Дорога в Россию 1*. Санкт-Петербург: Златоуст.
- Главзунова, О.И. (2000). *Давайте говорить по-русски*. Москва: Русский язык.
- Лобкова, Г.Н. (1999). *Начинаем разговор*. Москва: Русский язык.

COMPARISON OF DIRECTIVE SPEECH ACTS IN RUSSIAN AND VIETNAMESE BASED ON RUSSIAN SPEAKING TEXTBOOKS FOR RUSSIAN-MAJOR STUDENTS IN THE EARLY STAGE OF THEIR STUDY

Abstract: The article concerns the contrastive comparison of the directive speech acts in the Russian and Vietnamese languages in order to find out the similarities and differences in terms of structure and semantics between the two languages. Using materials from the Russian Speaking textbooks and from Vietnamese literature, the article tries to clarify the concept, categorize and describe expressions of directive speech acts in Russian and Vietnamese. The results of the study will optimize the teaching of speaking and writing skills of the students majoring in Russian during the early stage of their language learning.

Keywords: Comparison, imperative behavior, Russian, Vietnamese